



CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG 5 NĂM 2024

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ CHIÊM XUÂN 2024

(Tính đến ngày 16/5/2024)

Tiến độ gieo trồng cây rau màu



DIỆN TÍCH GIEO CÂY

28.796,8 Ha
▼3,1%

▼7%



Ngô
407,5 Ha

▲14,1%



Khoai tây
283,6 Ha

▲3,7%



Lạc
237 Ha

▲1%



Rau các loại khác
2.285 Ha

CHĂN NUÔI

Số lượng gia súc, gia cầm (Thời điểm 31/5/2024)

Sản lượng thịt hơi
gia súc, gia cầm

34.297

tấn

▲2,1%

▲16,5%



Trâu
3.950 Con

▼23%



Bò
18.100 Con

▲3,5%



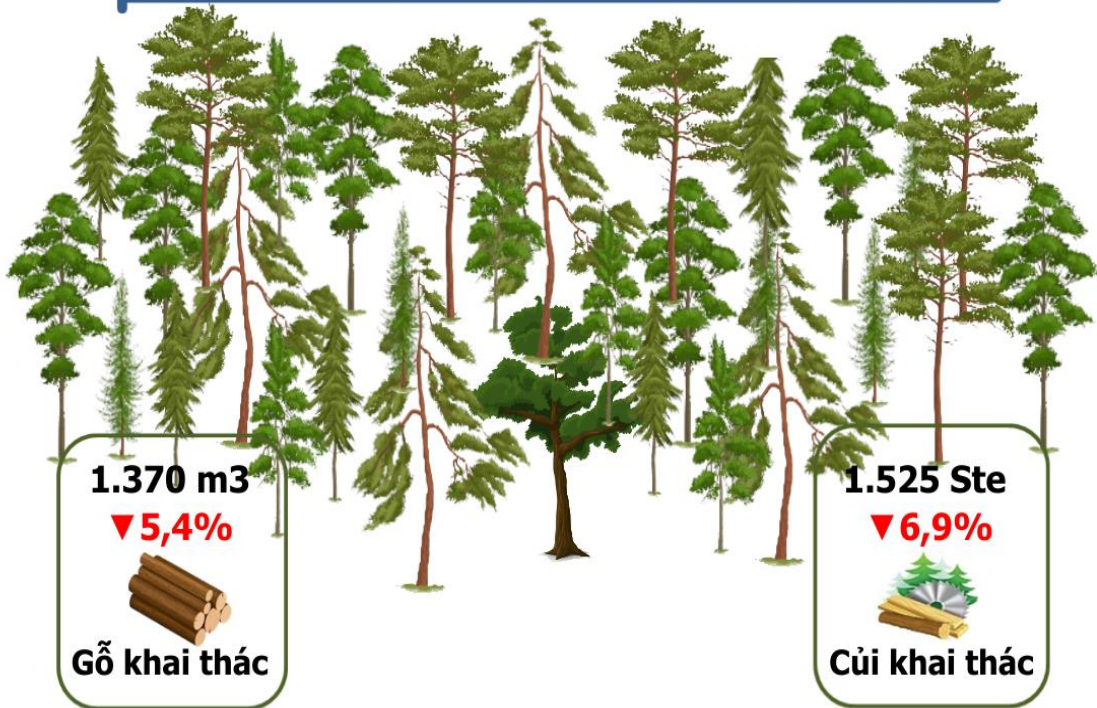
Lợn
289.900 Con

=
100%

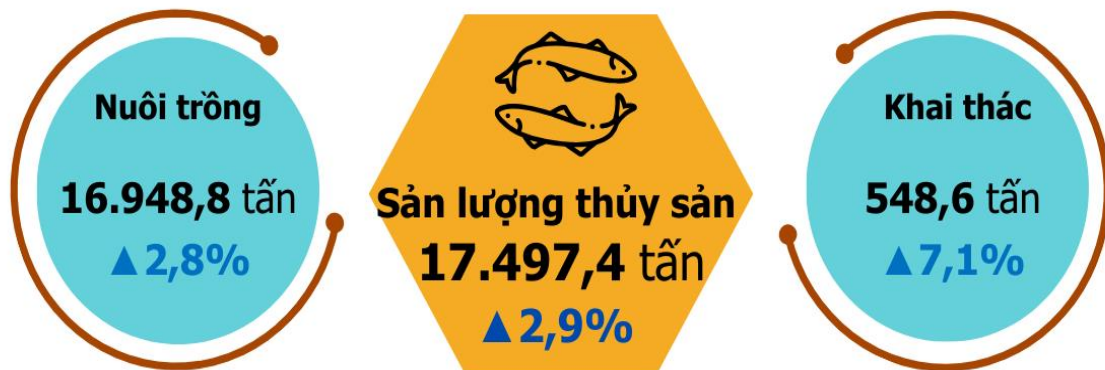


Gia cầm
5.300
Nghìn Con

LÂM NGHIỆP ước tính 5 tháng so với cùng kỳ



THỦY SẢN ước tính 5 tháng so với cùng kỳ



SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số IIP 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

▲ % 0,16%



TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP

▲ 0,05%

Chế biến
chế tạo

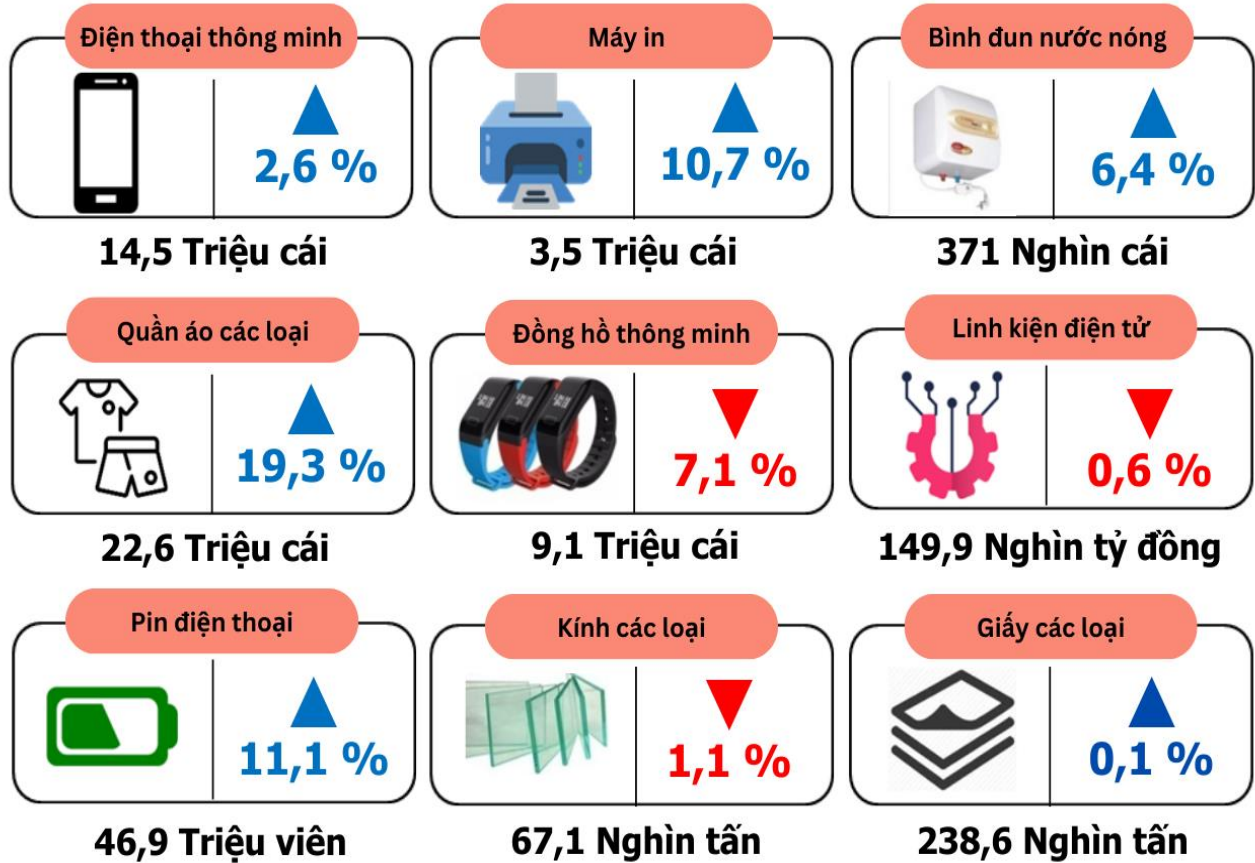
▲ 11,08%

Sản xuất
và phân
phối điện

▲ 21,32%

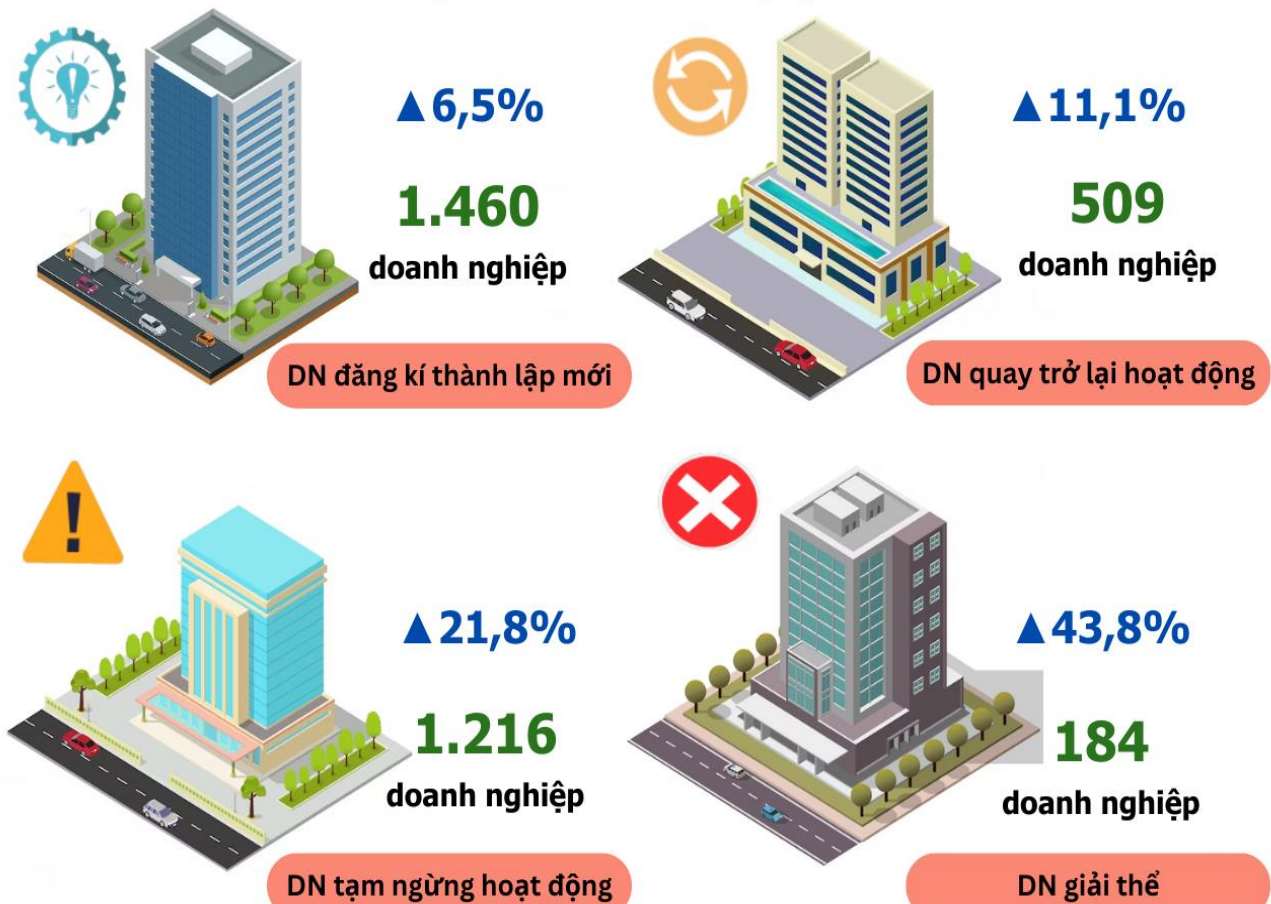
Cung cấp
nước, xử lý
rác thải, nước
thải

SẢN PHẨM CHỦ YẾU 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



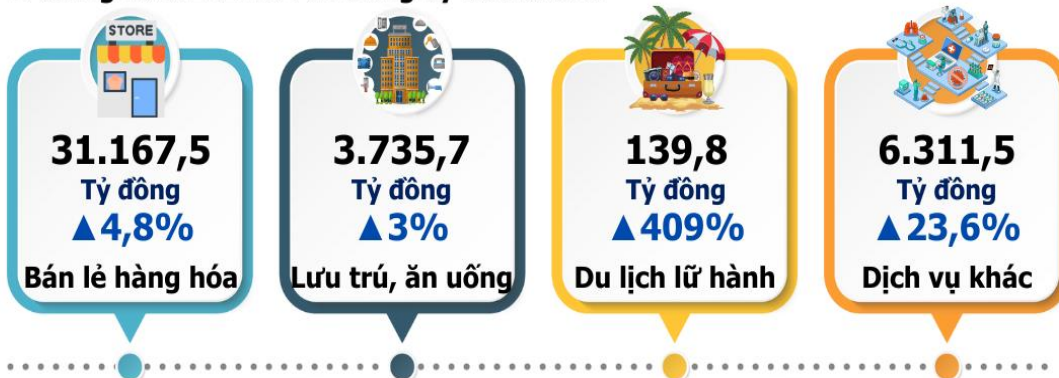
ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



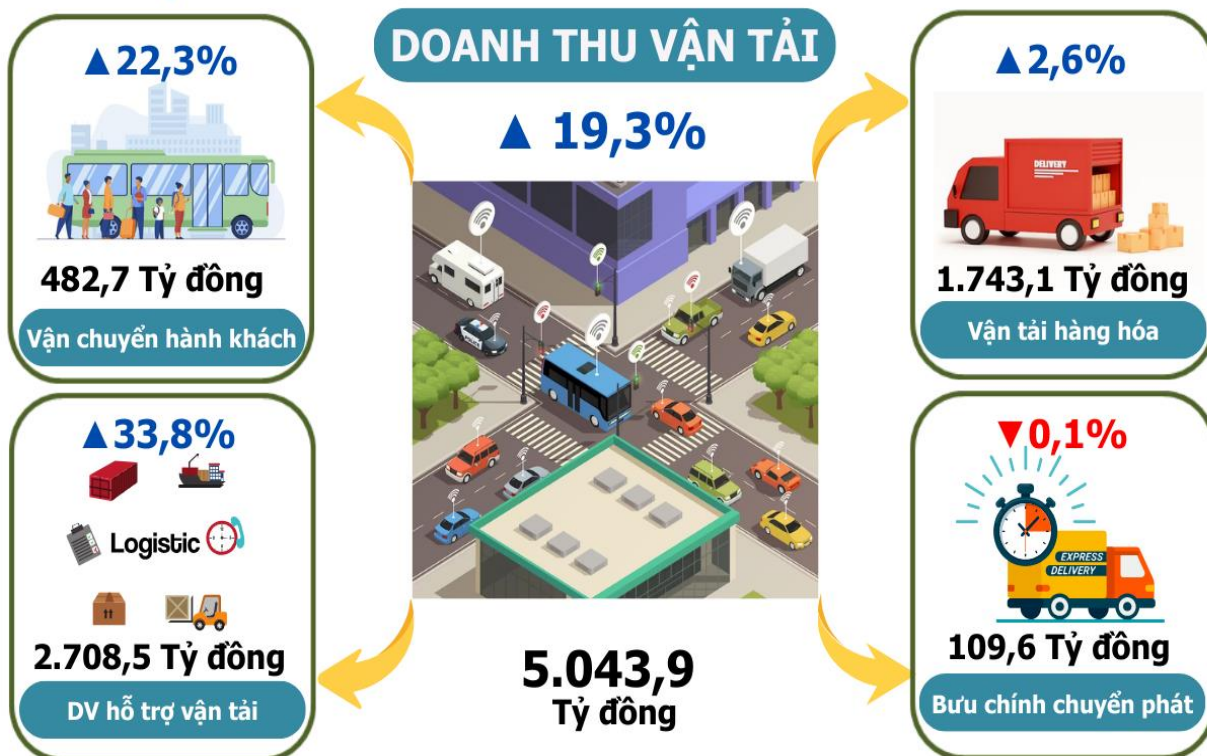
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ
5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

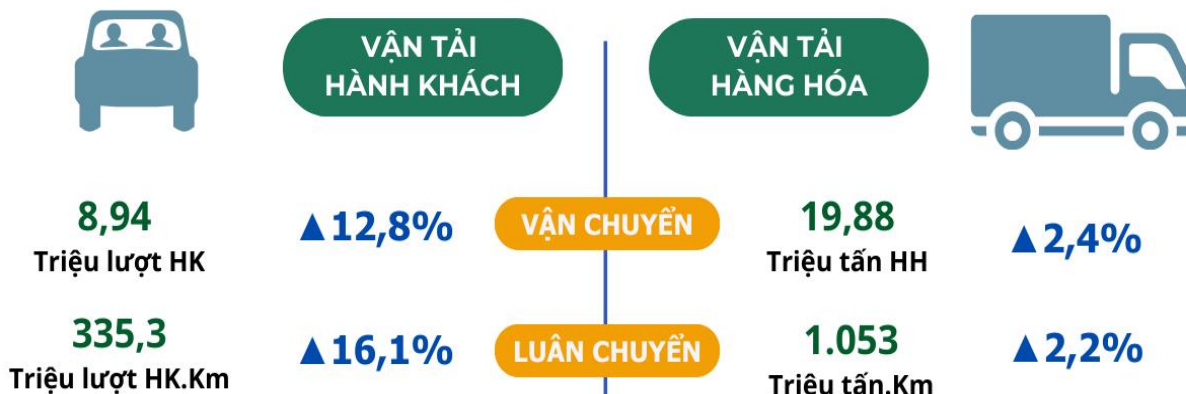


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ
41.354,5 Tỷ đồng ▲ 7,5%

VẬN TẢI



Sản lượng vận tải 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



VỐN ĐẦU TƯ

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN NSNN 5 tháng năm 2024 so với CK năm trước



TỔNG VỐN ĐẦU TƯ
THỰC HIỆN NSNN

1.845

Tỷ đồng

▲ 3,5%



Cấp tỉnh

925,7

Tỷ đồng

▲ 0,9%

Cấp huyện

503,3

Tỷ đồng

▲ 27,1%

Cấp xã

416

Tỷ đồng

▼ 11,2%

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP FDI 5 tháng năm 2024 so với năm trước

TỔNG VỐN FDI
VÀO BẮC NINH

1.110,9

Triệu USD

▲ 38,2%



▲ 23,9%



660,9
Triệu USD

Vốn đăng ký mới

▲ 50%



445,6
Triệu USD

Điều chỉnh vốn

▲ 211,9%



28,9
Triệu USD

Góp vốn mua CP

▼ 31,6%



24,5
Triệu USD

Thu hồi vốn

THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



▲ 11%

6.348

Tỷ đồng

TỔNG CHI



▲ 17,6%

15.786

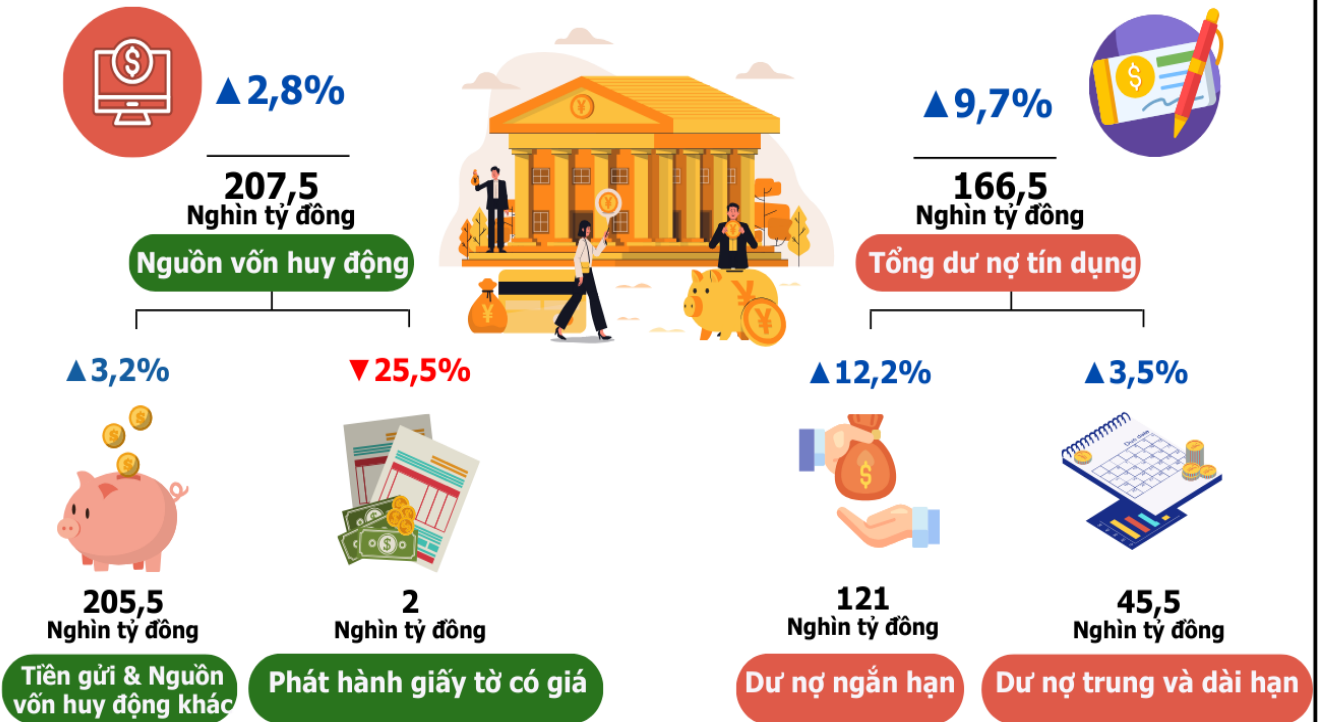
Tỷ đồng

TỔNG THU



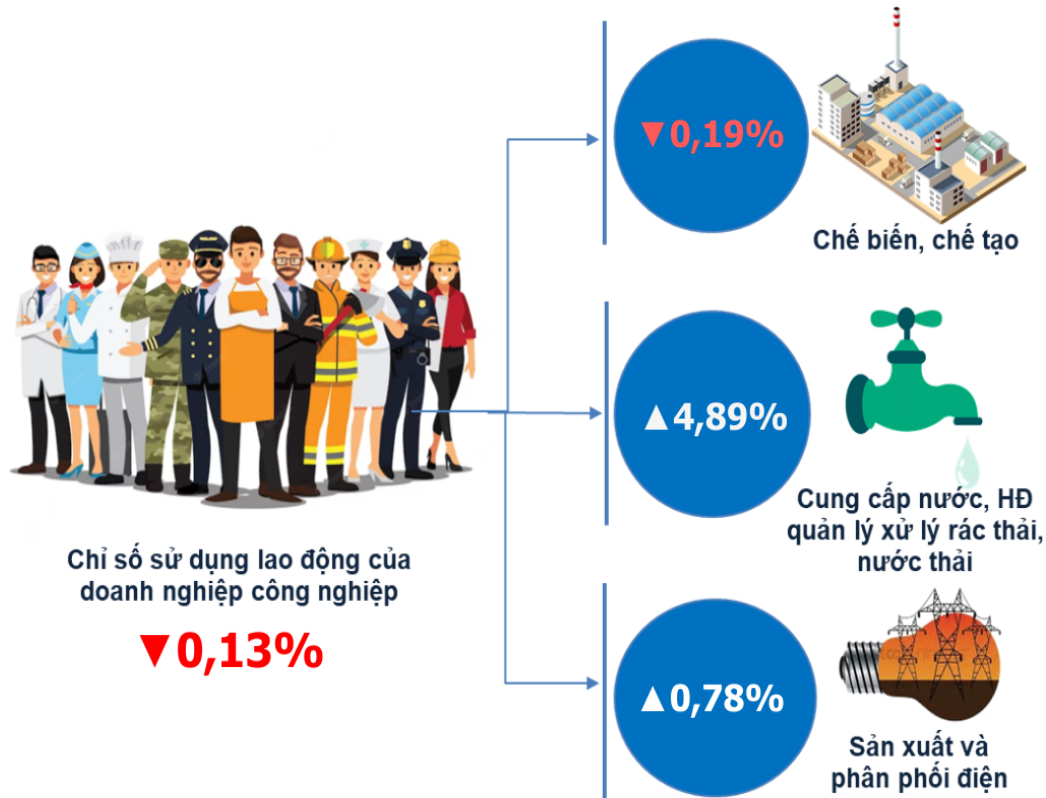
NGÂN HÀNG, TÍN DỤNG

Thời điểm cuối tháng 5 năm 2024 so với cùng thời điểm năm trước



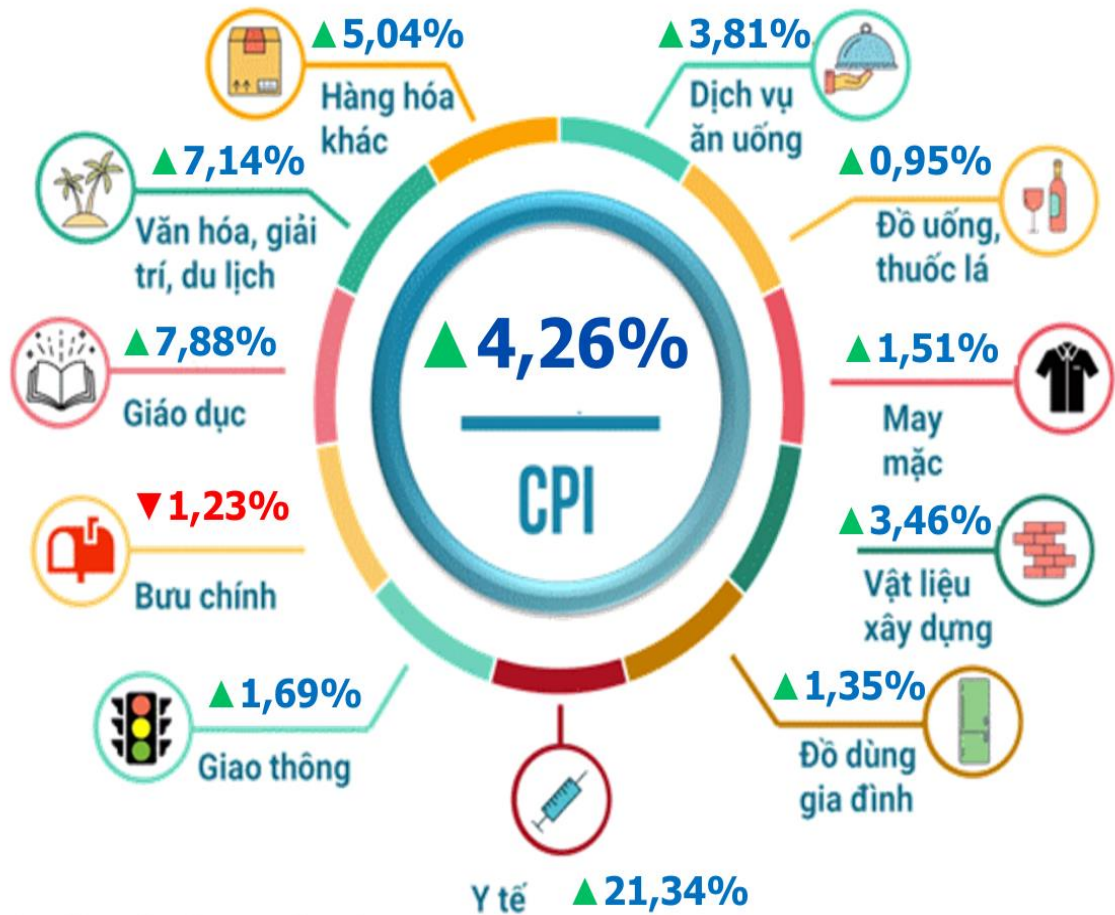
CHỈ SỐ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

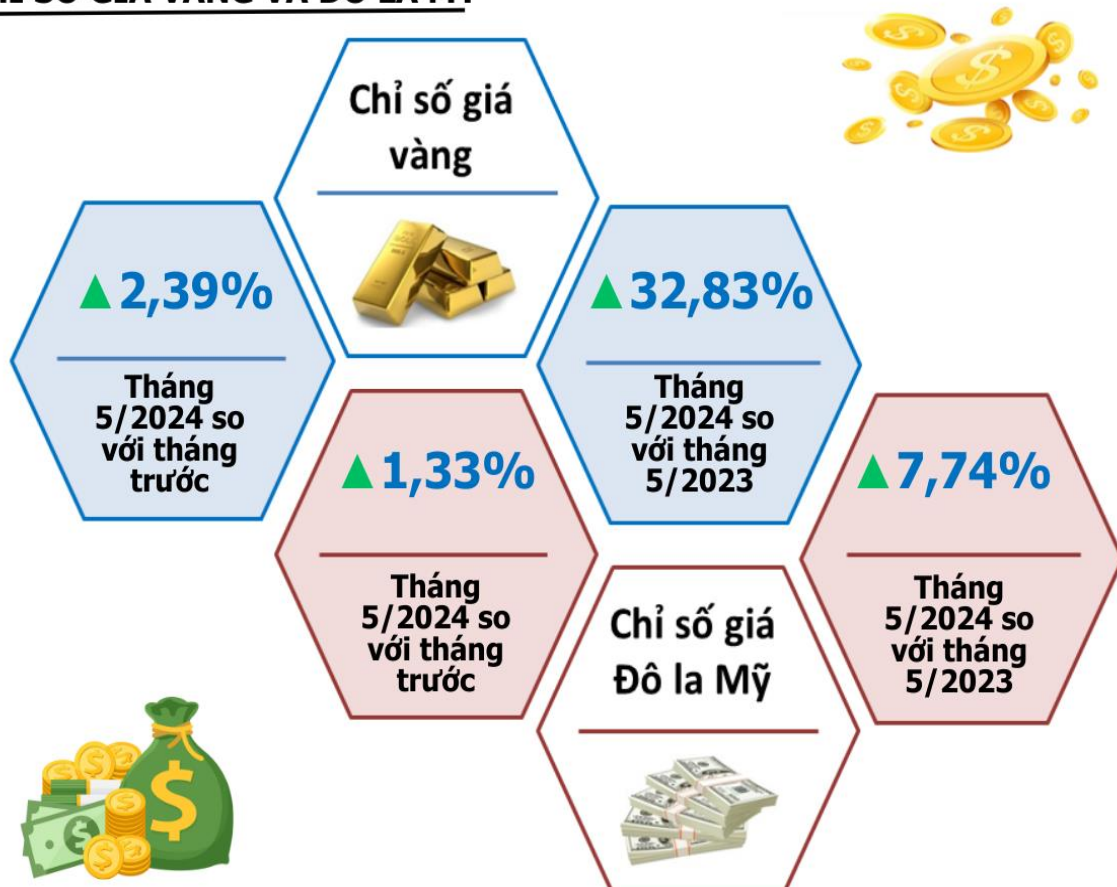


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG, USD

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG bình quân 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ



CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ



MỘT SỐ CHỈ TIÊU XÃ HỘI

Y TẾ 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

884,4 nghìn lượt

▲ 4%



Khám chữa bệnh

92,3 nghìn lượt

▲ 11,7%



Điều trị nội trú

TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI 5 tháng năm 2024 so với CK năm trước

Tai nạn
giao thông

141
VỤ = 8,3 lần



74 người
= 4,9 lần



Người chết

82 người
= 16,4 lần



Người bị thương

Vi phạm
trật tự xã hội

383
VỤ ▲ 40,3%



Cháy nổ

28
VỤ ▲ 460%



1
người



Người chết

2
người



Người bị thương

Vi phạm
môi trường

203
VỤ ▼ 8,6%



191 vụ
▼ 12 %



Xử lý

2,9 tỷ đồng
▼ 40,8 %



Nộp phạt